

Bản án số: 536/2022/HSST

Ngày: 25-11-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Hồng Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Lê Thị Nhanh

2/ Ông Hồ Văn Cẩm

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Trần Trung hiếu - Thư ký
Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia
phiên tòa:** Ông Vũ Minh Hùng- Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 11 năm 2022, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân
Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên toà công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự
thụ lý số: 856/2022/TLST-HS, ngày 27/10/2022, theo Quyết định đưa vụ án ra
xét xử số: 5524/2022/QĐXXST-HS ngày 03/11/2022 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị Thu N (Tên gọi khác: “Lũng”, “Loan”); giới tính: Nữ; sinh
ngày 29 tháng 11 năm 1982, tại: tỉnh An Giang; nơi đăng ký hộ khẩu thường
trú: tổ 17, khóm VT, phường NS, thành phố Z, tỉnh An Giang (địa chỉ cũ: ấp VT
1, xã Vĩnh Tế, thị xã Z, tỉnh An Giang); chỗ ở trước khi bị bắt: Số nhà 446, ấp
TTB, xã TP, huyện X, tỉnh Đồng Tháp; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: kinh; tôn
giáo: Thiên Chúa; trình độ học vấn: 04/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con
ông Nguyễn Lạc Q, sinh năm 1961 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1966; gia
đình bị cáo có 04 anh, chị, em, lớn sinh năm 1984, nhỏ sinh năm 1991; bị cáo
sống chung như vợ, chồng với Lê Văn C, sinh năm 1985 và có 02 con chung
(con lớn sinh năm 2006, con nhỏ sinh năm 2012); tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 20/4/2022 đến nay tại trại tạm giam Chí
Hòa, Công an Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt tại phiên tòa)

- Người bào chữa cho bị cáo: Bà Trần Thị Huy C, Luật sư thuộc Công ty
Luật TNHH MTV PX, Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt tại phiên
tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ kết quả điều tra vụ án “Mua bán trái phép chất ma túy”, phát hiện ngày 16/4/2004, tại Thành phố Hồ Chí Minh do Trần Xuân H, Trần Huy C, Trương Thị Thu V cùng đồng phạm thực hiện, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh xác định: Trong khoảng thời gian giữa tháng 10/2003, Nguyễn Thị Thu D thiếu nợ Trương Thị Thu V số tiền 60.000.000 đồng nên V yêu cầu D cầm ma túy đem đi bán cho V để trừ nợ, V thỏa thuận với D mỗi ngày V sẽ bao ăn, ở hàng ngày và trừ nợ cho D 200.000 đồng/ngày; ngoài ra hàng tháng V trả tiền công cho D từ 1.000.000 đồng đến 1.100.000 đồng/tháng, nên D đồng ý đi bán ma túy cho V để trừ nợ và có tiền tiêu xài hàng ngày. Trong quá trình mua bán trái phép chất ma túy, D đã lấy ma túy của V bán cho Nguyễn Văn S và đem tiền về cho V. Lúc D không đi lấy ma túy được, D nhờ chị ruột là Nguyễn Thị YA hoặc cháu ruột là Nguyễn Thị Thu N, Nguyễn Thị Thu L chở YA đến nhà của V lấy ma túy mang đến bán cho S và lấy tiền về giao lại cho D hoặc YA giao trực tiếp cho V. Khoảng cuối năm 2003 đến đầu tháng 4/2004, Nguyễn Thị Thu N đã 03 lần chở YA đi bán ma túy cho S theo yêu cầu của D (mỗi lần bán 5 chỉ Heroin), trong đó 02 lần đầu N không biết việc chở YA đi mua bán ma túy.

Sau đó Trương Thị Thu V, Nguyễn Thị Thu L, Nguyễn Văn S, Nguyễn Thị YA lần lượt bị Công an Thành phố Hồ Chí Minh bắt về hành vi “Mua bán trái phép chất ma túy”. Riêng đối với Nguyễn Thị Thu D và Nguyễn Thị Thu N, khi vụ án xảy ra D và N đã bỏ trốn. Ngày 14/3/2005, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh đã ra Quyết định khởi tố bị can và truy nã đối với Nguyễn Thị Thu D, Nguyễn Thị Thu N về hành vi “Mua bán trái phép chất ma túy”. Đến ngày 02/3/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh bắt Nguyễn Thị Thu D. Ngày 20/4/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh bắt Nguyễn Thị Thu N theo Quyết định truy nã tại ấp TTB, xã TP, huyện X, tỉnh Đồng Tháp.

Đối với vụ án Trần Xuân H, Trần Huy C, Trương Thị Thu V cùng đồng phạm có hành vi “Mua bán trái phép chất ma túy”. Ngày 09/4/2005, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra Quyết định tách vụ án hình sự số 260-13 đối với 11 bị can đã bỏ trốn, trong đó có Nguyễn Thị Thu N. Ngày 12/4/2005, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành kết luận điều tra vụ án đối với vụ án trên.

Ngày 30/12/2005, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm đối với vụ án tuyên phạt Nguyễn Thị Thu L 15 năm tù, Nguyễn Thị YA tù chung thân, Trương Thị Thu V tử hình, cùng về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Ngày 28/6/2018, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm

đối với vụ án tuyên phạt Nguyễn Thị Thu D tù chung thân, về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Ngày 30/6/2006 đến 03/7/2006, Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Tòa cấp cao) xét xử phúc thẩm quyết định xử phạt Nguyễn Thị Thu L 15 năm tù, Nguyễn Thị YA tù chung thân, Trương Thị Thu V tử hình và đã thi hành án tử hình. Ngày 26/9/2018, Nguyễn Thị Thu D tại phiên Tòa phúc thẩm đã rút đơn kháng cáo. Hiện Nguyễn Thị Thu D đang thi hành án phạt tù tại K1 Trại giam Z30D; Nguyễn Thị YA, đang thi hành án phạt tù tại K5 Trại giam Xuân Lộc Đồng Nai.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Thị Thu N khai nhận: Khoảng cuối năm 2003 đến đầu tháng 4/2004, Nguyễn Thị Thu N và Nguyễn Thị Thu L là em ruột của N cùng lên Thành phố Hồ Chí Minh để đi làm thuê và được cô ruột là Nguyễn Thị YA và Nguyễn Thị Thu D cho sống cùng nhà trọ tại khu vực Quận 7 (nhà trọ do D thuê và Trương Thị Thu V là người trả tiền phòng trọ). Trong khoảng thời gian sống tại nhà trọ, N đã 03 lần chở YA đi lấy ma túy của Trương Thị Thu V bán ma túy cho Nguyễn Văn S theo yêu cầu của D, trong đó 02 lần đầu N không biết việc chở YA đi mua bán ma túy. Lần thứ 3 (khoảng đầu tháng 04/2004), khi YA nhờ N chở đi lấy ma túy từ nhà V, trên đường đi thì N nghi ngờ nên mới hỏi YA. YA nói cho N biết theo chỉ đạo của Nguyễn Thị Thu D yêu cầu N chở YA qua nhà Trương Thị Thu V tại 44 DT, phường V, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh lấy 5 chỉ Heroin để bán cho Nguyễn Văn S. Sau khi nghe và biết việc YA đang hoạt động mua bán ma túy N tiếp tục chở YA đi giao ma túy cho S. Vài ngày sau, D lại nhờ N chở YA tiếp tục đi bán ma túy nhưng N từ chối không chịu đi thì bị D đuổi không cho ở cùng phòng trọ. N về quê được khoảng 02 tuần thì nghe tin D, YA, L và S bị Công an bắt về hành vi “Mua bán trái phép chất ma túy”. Vì lo sợ có liên quan đến hành vi phụ giúp D và YA mua bán ma túy nên N bỏ trốn khỏi địa phương đến sinh sống và lập gia đình tại khu vực ấp TTB, xã TP, huyện X, tỉnh Đồng Tháp cho đến ngày 20/4/2022 thì bị bắt như đã nêu trên.

Lời khai của Nguyễn Thị Thu N phù hợp với những tài liệu khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án cùng với lời khai của Nguyễn Thị Thu D, Nguyễn Thị YA và Nguyễn Thị Thu L.

* *Vật chứng của vụ án*: đã xử lý trong vụ án vụ án Trần Xuân H, Trần Huy C, Trương Thị Thu V, cùng đồng phạm.

Tại bản Cáo trạng số 525/CT-VKSTPHCM-P1 ngày 24/10/2022, của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị Thu N, về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo điểm h khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay:

- Bị cáo Nguyễn Thị Thu N khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã truy tố.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm kết luận vụ án:*

Sau khi nêu lại nội dung vụ án, phân tích tính chất và hậu quả của vụ án, trên cơ sở các chứng cứ đã được kiểm tra tại phiên tòa cũng như toàn bộ lời khai của bị cáo và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh sau khi nêu các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, đã giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Nguyễn Thị Thu N, đồng thời đề nghị như sau: Áp dụng điểm h khoản 2 và khoản 5 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 để xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thu N từ 07 đến 08 năm tù, về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; đồng thời buộc bị cáo phải nộp số tiền là 5.000.000 (Năm triệu) đồng để sung công quỹ nhà nước.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị về nghĩa vụ nộp án phí của bị cáo theo quy định của pháp luật.

- Bị cáo Nguyễn Thị Thu N không tranh luận về tội danh và nhờ luật sư bào chữa.

- *Luật sư Trần Thị Huy C bào chữa cho bị cáo phát biểu:* Luật sư thống nhất với tội danh và điều khoản mà Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố đối với bị cáo về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm h khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009. Xét về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo chỉ là đồng phạm với vai trò thứ yếu, khi bị cáo từ ở quê lên ở nhờ nhà cô Nguyễn Thị Thu D nên phụ thuộc vào cô. Khi giữa đường biết cô bán ma túy thì bị cáo đã hỏi nhưng do bị cáo là người phụ thuộc nên không chủ động đi báo công an. Sau đó, bị cáo đã ý thức được hành vi mua bán ma túy là trái phép nên khi cô nhờ phụ tiếp thì bị cáo đã từ chối và bị cô đuổi về. Từ khi bỏ trốn truy nã đến nay bị cáo không đứng tên khai sinh cho con và không dám về thăm quê, đã là một hình phạt to lớn mà bị cáo phải gánh chịu. Ngoài ra, khi bị truy nã bị cáo không có vi phạm pháp luật nào khác, về các tình tiết giảm nhẹ bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn khi là lao động chính có hai con nhỏ và phạm tội lần đầu, chưa có tiền án, tiền sự theo các quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Bộ luật hình sự, từ đó đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự để xét xử bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

Bị cáo Nguyễn Thị Thu N không tranh luận bổ sung và đồng ý lời bào chữa của luật sư, đồng thời xin xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Qua nội dung đối đáp, luật sư và đại diện Viện kiểm sát đều giữ nguyên quan điểm đã trình bày và cùng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét ra bản án đúng theo các quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như; biên bản thu giữ đồ vật, tài liệu; biên bản niêm phong; biên bản mở niêm phong và giao, nhận đối tượng giám định; kết luận giám định, lời khai và đối chất của bị cáo và các lời khai của các bị cáo trong cùng vụ án đã được xét xử theo các bản án sơ, phúc thẩm của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh năm 2005- 2006, cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thì thấy lời khai của Nguyễn Thị Thu N phù hợp với những tài liệu khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án cùng với lời khai của Nguyễn Thị Thu D, Nguyễn Thị YA và Nguyễn Thị Thu L, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định như sau:

Từ cuối năm 2003 đến đầu tháng 4/2004, Nguyễn Thị Thu N đã 03 lần chở Nguyễn Thị YA đi lấy ma túy của Trương Thị Thu V bán ma túy cho Nguyễn Văn S theo yêu cầu của Nguyễn Thị Thu D, trong đó 02 lần đầu N không biết việc chở YA đi mua bán ma túy. Đến lần thứ 3, vào khoảng đầu tháng 04/2004, khi YA nhờ N chở đi lấy ma túy từ nhà V, trên đường đi thì N nghi ngờ nên mới hỏi YA. YA nói cho N biết theo chỉ đạo của D yêu cầu N chở YA qua nhà V tại 44 DT, phường V, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh lấy 5 chỉ Heroin để bán cho Nguyễn Văn S, sau khi nghe và biết việc YA đang hoạt động mua bán ma túy N tiếp tục chở YA đi giao ma túy cho S.

Theo Nghị định 134/NĐ-CP ngày 15/8/2007 của Chính phủ quy định về đơn vị đo lường: 01 lượng Heroine có khối lượng là 37,5 gam và 1 chỉ Heroine có khối lượng là 3,75 gam. Như vậy, 05 chỉ Heroine có khối lượng là 18,75 gam Heroine. Sau khi phạm tội, N về quê và sau đó bị khởi tố bị can và khi biết bị truy nã về hành vi “Mua bán trái phép chất ma túy” thì N đã bỏ trốn, đến ngày 20/4/2022 thì bắt được N theo lệnh truy nã.

Do vậy, hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Thị Thu N đã cấu thành vào tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”, phạm tội thuộc trường hợp “*Heroin có trọng lượng từ năm gam đến dưới ba mươi gam*”, nên tội phạm và hình phạt đối với bị cáo được quy định tại điểm h khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

[2] Như vậy, hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm nghiêm trọng đến sự quản lý độc quyền của Nhà nước về chất ma túy, bị cáo nhận thức được hành vi mua bán trái phép chất ma túy là nguy hiểm cho xã hội nhưng vẫn cố ý phạm tội. Hành vi của bị cáo là một trong những nguyên nhân dẫn đến làm tăng tệ nạn nghiện ngập ma túy, tạo tiền đề phát sinh nhiều loại tội phạm nguy hiểm khác, do đó cần có mức hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo mới có tác dụng răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào theo quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Về tình tiết giảm nhẹ: Tại phiên tòa hôm nay và tại cơ quan điều tra, bị cáo đều khai báo thành khẩn và có thái độ ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội lần đầu, chưa có tiền án, tiền sự, bị cáo là lao động chính có hoàn cảnh gia đình khó khăn, khi hai con còn nhỏ, nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Trên đây là các tình tiết để Hội đồng xem xét có thể giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà tích cực cải tạo.

Xét trong vụ án này, hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp rất nghiêm trọng nhưng Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, phạm tội với vai trò đồng phạm giúp sức không đáng kể, có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự nên áp dụng thêm Điều 54 Bộ luật hình sự để xét xử bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù trong trại giam theo một mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra để cho bị cáo có đủ thời gian tự cải tạo, rèn luyện trở thành người công dân lương thiện, có ích cho xã hội, biết tôn trọng pháp luật, và cũng là để răn đe và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

Do bị cáo Nguyễn Thị Thu N có hành vi giúp sức mua bán ma túy và chưa có thu lợi bất chính nên Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[3] Đối với đối tượng Nguyễn Thị Thu D, Nguyễn Thị YA và Nguyễn Thị Thu L đều đã bị xét xử, hiện đã và đang thi hành án phạt tù. Hội đồng xét xử không xem xét và đề cập đến.

[4] Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy bản Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, cũng như lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về việc truy tố bị cáo Nguyễn Thị Thu N về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm h khoản 2 Điều 194 của Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 là đúng người, đúng tội, có cơ sở để chấp

nhận, đồng thời chấp nhận một phần đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về hình phạt chính và hình phạt bổ sung đối với bị cáo tại phiên tòa.

Lập luận trên đây là cơ sở để chấp nhận lời bào chữa của luật sư về hoàn cảnh, vai trò khi phạm tội, cũng như các tình tiết giảm nhẹ của bị cáo để áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự để xét xử bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

[5] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: Hội đồng xét xử nhận thấy trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, luật sư bào chữa cho bị cáo xuất trình tài liệu chứng cứ phù hợp với các quy định của pháp luật; luật sư, bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện cơ bản là hợp pháp.

[6] Các vấn đề khác:

6.1/ *Về vật chứng của vụ án*: Đã được xem xét giải quyết bằng bản án có hiệu lực pháp luật nên không đề cập đến.

6.2/ *Về án phí*: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật hiện hành.

6.3/ *Về quyền kháng cáo*: Bị cáo có quyền kháng cáo theo các quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Căn cứ điểm h khoản 2 Điều 194 của Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; căn cứ điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 58; Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị Thu N 06** (sáu) năm tù, về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”. Thời hạn tù được tính từ ngày 20/4/2022.

2/ Về án phí: Căn cứ Điều 135, 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và căn cứ Điều 22 và 23 Nghị quyết quyết định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí toà án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, cùng danh mục án phí, lệ phí toà án,

Bị cáo Nguyễn Thị Thu N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

3/ Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331, 332, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015,

Bị cáo có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 25 tháng 11 năm 2022) để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7A, 7B và 9 của Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND Tối cao; (1)
- TAND Cấp cao tại TPHCM; (1)
- VKSND TPHCM; (3)
- Cục THADS; (1)
- Trại giam; (1)
- Bị cáo; (1)
- Luật sư; (1)
- THAHS; (1)
- P. PV06 - CA TPHCM; (1)
- Sở Tư pháp (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (1)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ. (20) (6)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đặng Hồng Sơn

